

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KIẾN TRÚC NỘI  
THẤT GREEN HOME**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KIẾN TRÚC NỘI THẤT GREEN HOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN HOME INTERIOR  
ARCHITECHTURE CONSTRUCTION AND DESIGN CONSULTANT JOINT  
STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GREENHOME IAC .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109499588

**3. Ngày thành lập:** 18/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 30, Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984211365

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                           | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                     | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                         | 4222     |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                           | 4229     |
| 6.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                    | 4291     |
| 7.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                             | 4292     |
| 8.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                       | 4293     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                  | 4299     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                      | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                           | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                       | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.<br>- Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hòa không khí. | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                              | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                              | 4330     |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                         | 4390     |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                     | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                              | 4669        |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng khác                                                                                                       | 4752        |
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                           | 4753        |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc<br>+ Thiết kế và phác thảo công trình;<br>+ Lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan                                                                | 7110        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn thiết kế nội thất                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh                                                                                                                           | 8299        |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                             | 5510        |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                                         | 5610(Chính) |
| 27. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                              | 5621        |
| 28. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>– Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                                                                                          | 5629        |
| 29. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán rượu, bia<br>- Quán cà phê, giải khát<br>- Dịch vụ phục vụ đồ uống khác                                                                                                                                | 5630        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CHU VĂN TẤN   | Thôn 6, Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 001091023979                                                                                |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CHU VĂN TUYỀN | Thôn 6, Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 120.000    | 1.200.000.000         | 60,000    | 001094021337                                                                                |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 120.000    | 1.200.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                   |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN LINH | Thôn 7, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 001099013443 |
|   |                 |                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |              |
|   |                 |                                                                   |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHU VĂN TUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 24/08/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001094021337

Ngày cấp: 27/06/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 6, Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội